

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15/2019/HNGĐ - ST.**

Ngày: 29/03/2019.

V/v: Tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thắng.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hải Phùng.**

Bà Nguyễn Thị Cờ.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trần Thu Hà** - cán bộ Toà án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 1140/2018/TLST- HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc: tranh chấp ly hôn; Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX - ST ngày 15 tháng 03 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: **Chị N.T.T**, sinh năm 1968; ĐKKHKT: phòng 311 nhà I 7, tập thể PM, phường PM, quận ĐĐ, thành phố HN; Nơi ở hiện tại: phòng 519 chung cư 349 VTP, quận TX, TP HN;

- Bị đơn: **Anh P.V.L**, sinh năm 1963; ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: phòng 311 nhà I 7, tập thể PM, phường PM, quận ĐĐ, TP HN;

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị N.T.T trình bày: Chị và anh P.V.L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PM, quận ĐĐ, TP HN ngày 16/02/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phòng 311 nhà I 7, tập thể PM, phường PM, quận ĐĐ, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh L thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con, xúc phạm và thiếu tôn trọng vợ. Nhiều lần chị và các con đã khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi sửa chữa nên làm chị mệt mỏi và mất dần tình cảm với anh L. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Tháng 8/2018 anh chị đã cùng thống nhất thuận tình ly hôn và gửi đơn ra Tòa án nhân dân quận Đống Đa, nhưng sau này anh L không hợp tác nên chị phải rút đơn về và để cho anh L có cơ hội nhưng anh L không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, khả năng đoàn tụ là không thể, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là P.Q.Đ sinh ngày 19/10/19898 và P.D.L sinh ngày 12/12/1995. Ly hôn các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị không có yêu cầu nào khác.

* Tại bản tự khai, anh P.V.L trình bày: Anh xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và địa chỉ chung sống như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không chung thủy khiến anh mất lòng tin dẫn đến tình cảm vợ chồng cứ xa cách dần. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị T cương quyết ly hôn, anh không đồng ý vì các con đã trưởng thành nên anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để ở cùng con cái.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn, các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài yêu cầu đã trình bày ra, anh không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị T và anh L đều xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Việc Thẩm phán tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ Điều 243 đến Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự

2015. Các bên đang sự tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh L đang thường xuyên sinh sống tại phòng 311 nhà I 7 tập thể PM, phường PM, quận DD, thành phố HN. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 35 bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

{2} Về nội dung: Chị N.T.T và anh P.V.L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PM, quận DD, TP HN ngày 16/02/1989. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L. Anh L không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để ở cùng con cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của chị T và anh L không còn hạnh phúc khi anh chị đã sống ly thân. Anh L cho rằng chị T không chung thủy nhưng anh không có căn cứ gì chứng minh. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng anh L hay uống rượu nên đánh vợ và có những cách cư xử không đúng chuẩn mực với vợ con. Do đó, chị T đã phải chuyển đi ở chỗ khác và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, mặc dù anh L muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh lại xin vắng mặt tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Điều đó chứng tỏ anh L cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Mặt khác chị T cũng xin vắng mặt tại phiên tòa, điều đó thể hiện chị vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh L và không muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là P.Q.Đ sinh ngày 19/10/1998 và P.D.L sinh ngày 12/12/1995. Ly hôn các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Chị T và anh L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 143, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326 về phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị N.T.T. Chị N.T.T được ly hôn anh P.V.L.

2. Về con chung: Xác nhận chị N.T.T và anh P.V.L có 02 con chung là P.Q.Đ sinh ngày 19/10/1998 và P.D.L sinh ngày 12/12/1995. Ly hôn, các cháu đã trưởng thành nên chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và các khoản vay nợ: Chị N.T.T và anh P.V.L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị N.T.T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008097 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh L.

. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội.

- VKSND quận Đống Đa.

- Đ- ơng sự.

- L- u.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng